

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

LÊ TUẤN DŨNG

**HOÀN THIỆN HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế
Mã số : 62.34.01.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1. PGS.TS. Nguyễn Văn Minh**
- 2. PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Loan**

HÀ NỘI - 2009

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất (KCN, KCX) nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo ra tiền đề vững chắc cho sự phát triển của lực lượng sản xuất nước nhà trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa là một chủ trương của Đảng và Nhà nước ta. Qua 18 năm xây dựng và phát triển, các KCN, KCX ở nước ta đã thể hiện được vai trò không thể thay thế của mình trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá: là địa chỉ hấp dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài nước; góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất công nghiệp, tạo việc làm, tiếp thu những công nghệ sản xuất và kỹ năng quản lý tiên tiến, hình thành một hệ thống đô thị mới ở nông thôn và góp phần công nghiệp hoá nông thôn nước ta.

Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến cuối năm 2008, cả nước đã có 223 khu công nghiệp, khu chế xuất (KCN, KCX) được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ với tổng diện tích đất tự nhiên 57.264 ha, phân bố tại 54 tỉnh, thành phố trên cả nước. Các KCN, KCX đã thu hút được một lượng lớn vốn đầu tư của các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước; đóng góp không nhỏ vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở từng địa phương và của cả nước. Không những thế, phát triển các KCN, KCX đã góp phần nâng cao trình độ công nghệ và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nói riêng, của nền kinh tế nói chung, góp phần quan trọng vào việc giải quyết việc làm, nâng cao dân trí, thực hiện các chính sách xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

Mặc dầu vậy, phải thấy rằng dù đã có những cải thiện rõ ràng, hệ thống chính sách phát triển KCN hiện hành của Việt Nam vẫn còn khá nhiều bất cập hạn chế. Không ít chính sách chưa khả thi, đặc biệt là những chính sách về sử dụng lao động, đất đai, huy động vốn, công nghệ... làm lãng phí nguồn lực, ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân và nhà đầu tư đối với hiệu quả của chính sách. Môi trường luật pháp đối với KCN chưa hoàn chỉnh nên công tác quy hoạch, xây dựng, hoạt động và quản lý hoạt động của các KCN chưa đi vào nề nếp. Tình trạng trên đã được phản ánh trong Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (năm 2001): *"Một số cơ chế, chính sách còn thiếu, chưa nhất quán, chưa sát với cuộc sống, thiếu tính khả thi. Có những chính sách đúng bị biến dạng qua nhiều tầng nấc hành chính quan liêu"*. Những hạn chế trên làm ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín, vai trò điều hành của Chính phủ và làm giảm hiệu lực quản lý nhà nước về phát triển KCN, KCX.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên, trong đó có ba nguyên nhân chủ yếu là việc hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN chưa dựa trên cơ sở khoa học, chưa phân tích, đánh giá đầy đủ các yếu tố liên quan; chưa có quy định pháp lý đầy đủ, rõ ràng về công tác hoạch định chính sách và năng lực của đội ngũ cán bộ hoạch định và thực thi chính

sách còn hạn chế. Đúng như Báo cáo tổng kết 15 năm xây dựng và phát triển KCN, KCX ở Việt Nam của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (năm 2006) đã đề cập: “*Nhận thức của các nhà hoạch định chính sách còn chưa thống nhất và coi trọng đúng mức vai trò của KCN, KCX trong quá trình thực hiện mục tiêu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá để xây dựng các thể chế, chính sách điều chỉnh hoạt động của KCN, KCX phù hợp với thực tiễn phát triển*”.

Từ đó, việc hoàn thiện và đổi mới công tác xây dựng chính sách phát triển KCN đang đặt ra cấp bách trước yêu cầu phát triển bền vững và hiệu quả các KCN ở nước ta. Việc nghiên cứu hoàn thiện hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN được đặt ra như một đòi hỏi tất yếu, để vừa bảo đảm định hướng phát triển, vừa tăng cường sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước đối với các KCN, KCX.

Xuất phát từ sự cần thiết khách quan nói trên, tác giả đã lựa chọn nội dung nghiên cứu: “*Hoàn thiện hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở Việt Nam giai đoạn hiện nay*” làm đề tài luận án tiến sỹ kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu

Về sách chuyên khảo nghiên cứu hoạch định chính sách của Việt Nam, đến nay có một số công trình như: Nguyễn Văn Bích và Chu Tiên Quang (1996), *Chính sách kinh tế và vai trò của nó đối với phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, giới thiệu sơ lược về nội dung hoạch định chính sách nông nghiệp; Lê Chi Mai (2001), *Những vấn đề cơ bản về chính sách và quy trình chính sách*, Nxb. Trường Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, giới thiệu một số nội dung chính liên quan đến khái niệm chính sách công và các bước hoạch định chính sách công; Nguyễn Hữu Hải (2004), *Giáo trình Hoạch định và phân tích chính sách công*, Học viện Hành chính Quốc gia, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, chủ yếu đề cập tới một số lý luận cơ bản về khoa học chính sách và quy trình chính sách công nói chung, trong đó có liên hệ với thực tiễn Việt Nam...

Bên cạnh đó, đã có một số bài viết về phân tích chính sách công, trong đó có đề cập tới một số nội dung hoạch định chính sách công như bài viết “*Hoạch định chính sách công-nhân tố quyết định phát triển bền vững*” của Thạc sỹ Nguyễn Tấn Phát - Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đăng trên Tạp chí Nghiên cứu kinh tế tháng 4/2006 giới thiệu về quy trình thủ tục thực hiện chính sách công và bộ máy tác nghiệp, nội dung quản lý việc thực hiện chính sách công. Bài viết “*Những nguyên tắc cơ bản trong thiết kế chính sách công*” của Thạc sỹ Bùi Khắc Hiền – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đăng trên Tạp chí Kinh tế và Phát triển giới thiệu 07 nguyên tắc hoạch định chính sách công dựa theo kinh nghiệm của Hoa Kỳ.

Đã có nhiều đề tài, công trình nghiên cứu về phát triển KCN, tuy nhiên đề cập trực tiếp đến nội dung nghiên cứu hoạch định chính sách phát triển KCN, đến nay mới chỉ có một luận

án tiến sỹ kinh tế của nghiên cứu sinh Lê Hồng Yến tại Trường Đại học Thương mại năm 2007 với đề tài “*Hoàn thiện chính sách và mô hình tổ chức quản lý nhà nước đối với việc phát triển KCN Việt Nam - thông qua thực tiễn các KCN miền Bắc*”, trong đó có đề xuất một số phương hướng và giải pháp sơ bộ nâng cao năng lực hoạch định chính sách phát triển KCN ở nước ta.

Tóm lại, có thể thấy các công trình nghiên cứu về hoạch định chính sách ở Việt Nam chỉ mới ở giai đoạn ban đầu và cũng chỉ đề cập một cách hạn hẹp các vấn đề lý luận cơ bản về khoa học chính sách và quy trình chính sách công nói chung; chưa làm rõ được những bất cập cơ bản, cốt lõi trong thực tiễn hoạch định chính sách ở nước ta. Nội dung về hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở Việt Nam vẫn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ, có hệ thống và khoa học. Do vậy, nghiên cứu sinh đã quyết định lựa chọn đề tài này để nghiên cứu.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

- **Mục đích** nghiên cứu của luận án là luận giải cơ sở khoa học về hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở Việt Nam, từ đó, đề xuất phương hướng và giải pháp cơ bản hoàn thiện hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở nước ta trong thời gian tới

- Nhiệm vụ nghiên cứu

+ Làm rõ một số lý luận cơ bản về chính sách đầu tư phát triển KCN và hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN. Từ thực tiễn hoạch định chính sách phát triển KCN của một số nước và vùng lãnh thổ trong khu vực, luận án rút ra những bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể vận dụng.

+ Phân tích thực trạng quy trình hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở Việt Nam thời gian qua, từ đó chỉ ra những tồn tại, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thời gian tới.

+ Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp chủ yếu hoàn thiện hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở nước ta đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

- **Đối tượng nghiên cứu:** Chính sách đầu tư phát triển KCN ở Việt Nam nói riêng và quy trình hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN nói chung.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về nội dung: tập trung nghiên cứu một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở Việt Nam từ nay đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

+ Về thời gian: luận án tiến hành thu thập tài liệu cho việc đánh giá thực trạng từ năm 2001 đến năm 2008, làm cơ sở đề xuất giải pháp đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

+ Về không gian: Theo quy định của Luật Đầu tư năm 2005, các KCN nằm trong khu kinh tế chịu sự điều chỉnh của các cơ chế, chính sách riêng áp dụng cho khu kinh tế. Do đó, luận án tập trung nghiên cứu việc xây dựng, ban hành chính sách đầu tư phát triển KCN do cấp Trung ương ban hành và áp dụng cho các KCN nằm ngoài khu kinh tế.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu của luận án là vận dụng một cách tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu cơ bản định tính và định lượng, bao gồm: phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, phương pháp điều tra lấy ý kiến thông qua phỏng vấn trực tiếp và gửi phiếu điều tra, phương pháp phân tích hệ thống, phân tích tổng hợp và so sánh nhằm mô tả, phân tích đánh giá thực trạng kết hợp lý luận với thực tiễn để đưa ra những kết luận có cơ sở khoa học cho các giải pháp hoàn thiện hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở nước ta trong thời gian tới. Đồng thời, luận án cũng kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có, bổ sung và phát triển các luận cứ khoa học và thực tiễn mới phù hợp với mục đích nghiên cứu của luận án.

6. Đóng góp khoa học của luận án

- Luận án làm rõ nội hàm khái niệm chính sách đầu tư phát triển KCN theo hướng bền vững.
- Xác định vai trò của hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN và những nội dung cơ bản của quy trình hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN.
- Từ thực tiễn hoạch định chính sách phát triển KCN của một số nước và vùng lãnh thổ trong khu vực, luận án rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.
- Đề xuất phương hướng và một số giải pháp hoàn thiện hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN Việt Nam trong thời gian tới.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài lời mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục, nội dung của luận án được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1. Một số lý luận cơ bản về hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN

Chương 2. Thực trạng hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở Việt Nam

Chương 3. Định hướng và một số giải pháp hoàn thiện hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở Việt Nam trong thời gian tới

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬN ÁN

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của khu công nghiệp

Trên thế giới, các KCN đã có quá trình phát triển lâu dài. Hiện nay quan niệm về KCN ở các nước cũng rất khác nhau. Ở một số nước châu Á như Thái Lan, Philipin, Indonesia quan niệm KCN là một khu vực diện tích được phân chia và phát triển có hệ thống theo một kế hoạch tổng thể nhằm cung cấp địa điểm cho hoạt động của các xí nghiệp sản xuất công nghiệp với cơ sở hạ tầng và các dịch vụ hỗ trợ phát triển; trong KCN không có dân cư sinh sống. Trung Quốc và một số nước Châu Âu lại quan niệm KCN là một khu hành chính kinh tế, gồm các phân khu chức năng như hành chính, sản xuất công nghiệp, thương mại và dịch vụ, nhà ở dân cư... Ở Việt Nam, trên cơ sở kế thừa các quy định của Luật Đầu tư nước ngoài năm 1996, Luật Đầu tư năm 2005 đã định nghĩa: KCN là khu chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo quy định của Chính phủ.

Trên cơ sở nghiên cứu mô hình KCN trên thế giới và thực tiễn Việt Nam, luận án đưa ra khái niệm tổng quát về KCN như sau:

KCN là khu vực chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp; có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống; được thành lập và hoạt động theo cơ chế, chính sách quản lý của Chính phủ.

Từ khái niệm nói trên cho phép rút ra những đặc điểm của KCN như sau:

Thứ nhất, KCN là khu vực có ranh giới xác định, sử dụng chung về kết cấu hạ tầng và xã hội nên mỗi xí nghiệp công nghiệp đều tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất. Đây là đặc điểm thể hiện tính chất riêng biệt của KCN, tính quy hoạch không gian và vị trí xác định của việc xây dựng KCN.

Thứ hai, KCN là khu tập trung các xí nghiệp công nghiệp và các đơn vị dịch vụ phục vụ cho hoạt động sản xuất công nghiệp. Đây là đặc điểm thể hiện tính quy hoạch ngành của KCN, thể hiện mục tiêu của KCN là phát triển công nghiệp.

Thứ ba, trong KCN không có dân cư sinh sống. Đây là đặc điểm, đồng thời là điều kiện để thành lập KCN, đảm bảo tính tập trung công nghiệp và hạn chế ảnh hưởng của việc xen lẫn dân cư với công nghiệp.

Thứ tư, KCN có một Ban quản lý chung thống nhất, thực hiện quy chế tạo thuận lợi và hiệu suất tối đa cho các doanh nghiệp. Các xí nghiệp trong KCN tập trung được hưởng một quy chế hoạt động riêng, khác với phân bố ngoài KCN.

Thứ năm, khả năng hợp tác sản xuất giữa các xí nghiệp sản xuất trong KCN tập trung tùy thuộc vào doanh nghiệp tự liên kết với nhau trong quá trình phát triển để đạt hiệu quả cao. Nhà nước chỉ quy định những ngành và xí nghiệp loại nào được khuyến khích phát triển và hoạt động trong KCN do yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái và quốc phòng an ninh.

Tùy theo mục tiêu thành lập, cách thức tổ chức, chế độ ưu đãi và tính chất hoạt động mà ngoài loại KCN thông thường còn có nhiều loại hình KCN khác như khu chế xuất (KCX) là KCN chỉ gồm các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ phục vụ sản xuất hàng hoá để xuất khẩu; khu công nghệ cao (KCNC) là KCN gắn với các hoạt động phát triển công nghệ cao.... Mỗi loại có những nét đặc thù riêng và vai trò nhất định đối với nền kinh tế, do đó Nhà nước cần có những chính sách đầu tư phát triển riêng. Trong luận án này, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu chính sách áp dụng cho loại hình KCN phổ biến, không đi sâu vào từng loại hình cụ thể là KCX và KCNC.

1.1.2. Khái niệm và nội dung chính sách đầu tư phát triển KCN

- Phát triển KCN được xem xét trên hai góc độ:

Một là, dưới góc độ vi mô (phát triển nội tại KCN): đảm bảo duy trì sự bền vững và hiệu quả trong hoạt động của bản thân KCN, thể hiện ở việc: đạt các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh của KCN; nâng cao khả năng cạnh tranh của các KCN Việt Nam (tính chất vượt trội trong quan hệ so sánh) với các đối thủ cạnh tranh khác có cùng tiêu chí so sánh; bảo đảm chất lượng môi trường trong nội bộ KCN.

Hai là, dưới góc độ vĩ mô (tác động lan toả tích cực của KCN đến hoạt động kinh tế, xã hội và môi trường của địa phương, khu vực có KCN và phạm vi toàn quốc gia.

Từ những phân tích nói trên, có thể hiểu đầu tư phát triển KCN là việc huy động và sử dụng các nguồn lực sản xuất nhằm tăng trưởng số lượng, chuyển dịch quy mô, cơ cấu, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động KCN gắn liền với việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững hệ thống kinh tế-xã hội của đất nước.

- Về khái niệm chính sách đầu tư phát triển KCN: Trên cơ sở phân tích những khái niệm về chính sách công và nội dung phát triển KCN nói trên, luận án đi đến khái niệm tổng quát về chính sách đầu tư phát triển KCN như sau:

Chính sách đầu tư phát triển KCN là cách thức tác động của Nhà nước để khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động đầu tư trong những giai đoạn nhất định nhằm bảo đảm tăng trưởng số lượng, chuyển dịch quy mô, cơ cấu, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động KCN

gắn liền với việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững hệ thống kinh tế-xã hội của đất nước.

Từ khái niệm trên cho phép rút ra những đặc điểm của chính sách đầu tư phát triển KCN như sau:

Thứ nhất, chủ thể ban hành chính sách là các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bao gồm các cơ quan Trung ương và địa phương).

Thứ hai, chính sách đầu tư phát triển KCN tập trung giải quyết một hoặc một số vấn đề về phát triển KCN đang đặt ra trong đời sống kinh tế-xã hội theo những mục tiêu xác định mà Nhà nước đề ra trong từng giai đoạn.

Thứ ba, chính sách gồm nhiều quyết định có liên quan lẫn nhau, mang tính hệ thống, ổn định và phù hợp với quan điểm phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước. Các quyết định chính sách đầu tư phát triển KCN là những quyết định hành động của Nhà nước, bao gồm cả những hoạt động thực thi trên thực tiễn và được thể chế thành các quy định của pháp luật.

Thứ tư, đối tượng điều chỉnh của chính sách là các hoạt động đầu tư liên quan đến sự hình thành và phát triển của KCN, bao gồm cả những hoạt động đầu tư trong và ngoài hàng rào KCN, có tác động lan tỏa tới môi trường sống của khu vực phát triển KCN.

Thứ năm, chính sách đầu tư phát triển KCN có phạm vi tác động trên cả 3 góc độ là kinh tế, xã hội và môi trường. Đây cũng chính là đặc điểm phát triển KCN theo hướng bền vững.

Thứ sáu, chính sách đầu tư phát triển KCN có ảnh hưởng to lớn đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các quốc gia, bao gồm cả cơ cấu ngành và cơ cấu vùng lãnh thổ, nhằm đạt các kết quả mang tính dài hạn, do đó nó đòi hỏi một môi trường pháp lý, kinh tế, chính trị, xã hội tương đối ổn định.

Trong phạm vi nghiên cứu, luận án chủ yếu tập trung vào các chính sách đầu tư phát triển KCN do cấp Trung ương ban hành và áp dụng cho các KCN không nằm trong các khu kinh tế.

- Mục tiêu và nhiệm vụ của chính sách:

Mục tiêu bao trùm của chính sách đầu tư phát triển KCN của nước ta trong giai đoạn tới là phải góp phần vào thực hiện thắng lợi các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội ở nước ta thời kỳ đến năm 2010 và một số năm tiếp theo, nhằm đưa nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020. Bám sát các chủ trương và các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội đã được xác định, chính sách đầu tư phát triển KCN tập trung vào thực hiện 2 mục tiêu chung sau:

Một là, bảo đảm hoạt động KCN đạt được tăng trưởng kinh tế ổn định và hiệu quả, bao gồm: Thu hút được các nguồn lực đầu tư để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của các

doanh nghiệp trong KCN; Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển KCN; Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp liên kết, hợp tác với nhau để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế; Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường; giảm thiểu tối đa những tác động đối với môi trường sinh thái do các hoạt động sản xuất công nghiệp gây ra.

Hai là, hình thành hệ thống các KCN có vai trò chủ đạo, dẫn dắt sự phát triển công nghiệp quốc gia, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên cơ sở phát triển bền vững, cân đối giữa kinh tế, xã hội và môi trường, bao gồm: Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng kết hợp hài hòa sự phát triển công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng của nông nghiệp trong nền kinh tế; Bảo đảm sự ổn định về kinh tế-xã hội và phát triển cân đối giữa các vùng trong cả nước; Sử dụng tài nguyên hợp lý, có hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường sinh thái nhằm nâng cao chất lượng sống cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

Căn cứ vào những mục tiêu trên, chính sách đầu tư phát triển KCN có những nhiệm vụ chủ yếu như sau:

+ Tăng cường thu hút vốn đầu tư và khuyến khích các hoạt động đầu tư để phát triển các KCN, KCX.

+ Hướng dẫn, điều chỉnh các luồng vốn và các hoạt động đầu tư để sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, tạo điều kiện phát triển sản xuất và những ngành, lĩnh vực mà Nhà nước ưu tiên phát triển trong các KCN, KCX.

+ Hỗ trợ và tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp KCN như tạo ra khuôn khổ pháp lý rõ ràng, ổn định, hoàn thiện và nâng cấp kết cấu hạ tầng và các loại dịch vụ phục vụ hoạt động đầu tư của doanh nghiệp.

- Các bộ phận chính sách đầu tư phát triển KCN

+ Bộ phận chính sách bảo đảm và hỗ trợ đầu tư (thường mang tính cơ chế) bao gồm các biện pháp nhằm thiết lập môi trường pháp lý, chính trị, hành chính ổn định, tin cậy để các chủ đầu tư yên tâm đầu tư dài hạn. Đó chính là hệ thống pháp luật bảo đảm quyền lợi lâu dài cho nhà đầu tư, các biện pháp bảo đảm các điều kiện môi trường bình thường cho các hoạt động đầu tư như sự phát triển của các thị trường yếu tố sản xuất, hoạt động của các định chế tài chính trung gian...

+ Bộ phận chính sách khuyến khích đầu tư: bao gồm hệ thống các biện pháp tác động theo hướng khuyến khích hoặc kìm hãm (hạn chế) hoạt động đầu tư phát triển KCN tùy theo các mục đích của tác động chính sách. Các tiêu chí thường được dùng để xác định mức độ khuyến khích hoặc hạn chế đầu tư là ngành nghề, địa bàn, nguồn vốn, lĩnh vực, mức độ sử dụng lao động, tỷ lệ doanh số xuất khẩu... Bằng các chính sách khuyến khích đầu tư tùy theo

các tiêu chí khác nhau mà Nhà nước định hướng các hoạt động đầu tư phát triển nhằm đạt các mục tiêu phát triển KCN.

- *Một số công cụ của chính sách đầu tư phát triển KCN*: Để khuyến khích hay hạn chế đầu tư phát triển KCN, thu hút đầu tư vào KCN một số ngành hay lĩnh vực, địa bàn cụ thể nào đó, Nhà nước thường sử dụng một số công cụ chủ yếu như thuế, lãi suất, các công cụ ưu đãi về giá các yếu tố đầu vào như giá cho thuê đất, giá thuê kết cấu hạ tầng, điện, nước, lao động...nhằm kích thích, thu hút đầu tư; các công cụ mang tính kỹ thuật như: quy hoạch phát triển KCN, biện pháp hành chính (hạn chế cấp giấy phép đầu tư, cấm đầu tư, điều kiện đầu tư); hỗ trợ về thủ tục hành chính nhằm giúp các doanh nghiệp giảm bớt chi phí tài chính, thời gian trong quá trình thực hiện các thủ tục đầu tư.

1.1.3. Khái niệm hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN

- *Chu trình chính sách*: Chính sách luôn được xem xét dưới góc độ hệ thống là chu trình chính sách, bao gồm các hoạt động liên quan lẫn nhau được tiến hành từ khi vấn đề chính sách nảy sinh cho đến khi nó được giải quyết bởi các chủ thể tham gia vào chu trình này. Trên thực tế, mô hình chu trình chính sách có khác nhau về chi tiết, song nhìn chung có thể quy về 3 giai đoạn cơ bản là: (i) hoạch định chính sách; (ii) thực thi chính sách và (iii) đánh giá chính sách.

- *Hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN*: Từ nghiên cứu các quan niệm hoạch định chính sách, luận án đưa ra khái niệm tổng quát về hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN như sau:

Hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN là quá trình nghiên cứu, đề xuất ra một chính sách bao gồm các mục tiêu đầu tư phát triển KCN, những giải pháp cần thiết được cơ quan có thẩm quyền thông qua và ban hành chính sách dưới hình thức văn bản quy phạm.

Theo định nghĩa này, quá trình hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN mang những đặc trưng chủ yếu sau:

+ Là một quá trình bao gồm một chuỗi các công việc liên hoàn, có ảnh hưởng lẫn nhau và thúc đẩy lẫn nhau. Do đó, việc xác định rõ các giai đoạn của quá trình hoạch định chính sách có ý nghĩa quan trọng để từ đó có thể định rõ phạm vi trách nhiệm và sự liên kết giữa các chủ thể tham gia xây dựng chính sách, phát huy vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình này.

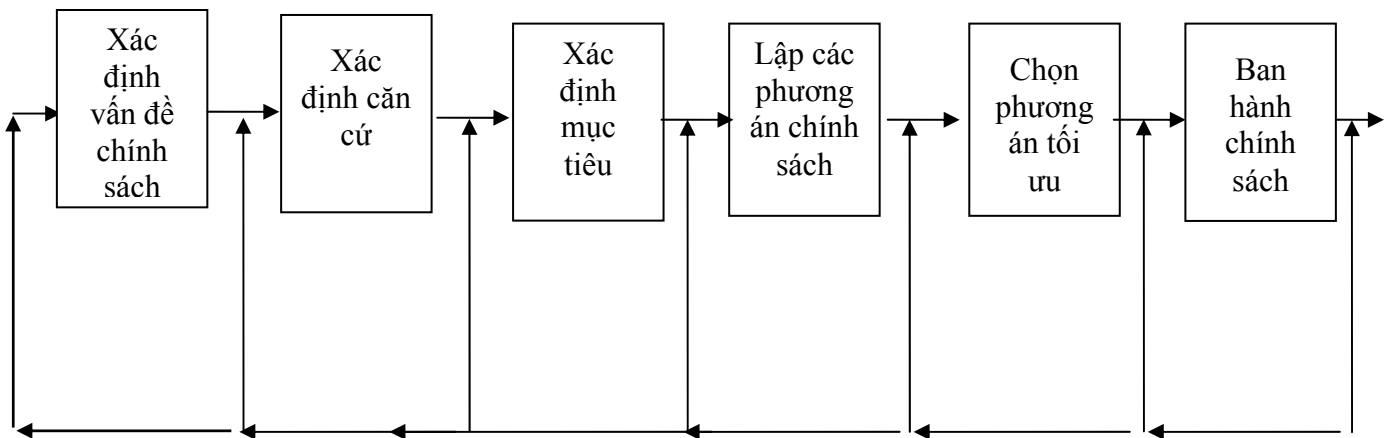
+ Tham gia vào quá trình hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN có nhiều chủ thể tham gia; mỗi chủ thể có vai trò nhất định của mình trong việc hoạch định chính sách và kết quả hoạch định chính sách của chủ thể này ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến hành vi hoạch định chính sách của chủ thể kia.

+ Thể hiện sự phân công, phối hợp giữa các chủ thể trong quá trình soạn thảo, thảo luận, thông qua và ban hành chính sách dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, cần phải có sự liên kết giữa các công đoạn trong quá trình hoạch định chính sách để đảm bảo sự phối kết hợp và thống nhất với nhau, để vừa đảm bảo được tính khách quan, dân chủ, lại vừa đảm bảo được tính tập trung và thống nhất ý chí trong quá trình chuyển hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn vào trong cuộc sống thành các chính sách quản lý, điều hành của Nhà nước, đồng thời vẫn phù hợp với định hướng chính trị của Đảng.

1.2. Nguyên tắc, nội dung các bước và nhân tố ảnh hưởng đến hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN

- Các nguyên tắc hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN: (i) nguyên tắc vì lợi ích công cộng; (ii) nguyên tắc quản lý; (iii) nguyên tắc hệ thống; (iv) nguyên tắc tập hợp các quyết định; (v) nguyên tắc liên đới; (vi) nguyên tắc kế thừa lịch sử và (vii) nguyên tắc quyết định đa số.

- Nội dung các bước hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN: Hoạch định chính sách là một quá trình bao gồm một chuỗi các công việc liên hoàn được mô tả trong Hình vẽ dưới đây:



+ *Xác định vấn đề chính sách*: Vấn đề chính sách được hiểu là mâu thuẫn xuất hiện trong đời sống kinh tế-xã hội hoặc một nhu cầu cần được đáp ứng, đòi hỏi Nhà nước ban hành chính sách để giải quyết theo những mục tiêu mong muốn. Thực tiễn hiện nay có rất nhiều các vấn đề về phát triển KCN, nhưng rõ ràng không thể giải quyết tất cả ngay một lúc, do đó, trong số hàng loạt vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển của các KCN, các cơ quan quản lý nhà nước phải lựa chọn ra những vấn đề cần thiết để đưa ra thành chính sách.

Căn cứ để xác định vấn đề cho các chính sách đầu tư phát triển KCN là tính quan trọng và tính bức xúc của nó, được nhìn nhận như một mâu thuẫn ngày càng gay gắt hoặc cản trở đối với sự phát triển bền vững của các KCN cũng như của đất nước.

+ *Xác định căn cứ hoạch định chính sách*: Để đưa ra quyết định chính xác về xây dựng và ban hành một chính sách phát triển KCN cần xem xét trên một số căn cứ : định hướng phát triển theo các quan điểm chính trị của Nhà nước trong mỗi thời kỳ; hệ thống pháp luật hiện hành; điều kiện phát triển kinh tế-xã hội cụ thể của đất nước.

+ *Xác định mục tiêu chính sách*: Mục tiêu của chính sách là những giá trị kinh tế-xã hội mà chính sách đó phải đạt tới. Mục tiêu được đề ra phải dựa trên cơ sở vấn đề chính sách đã được xác định và định hướng giải quyết vấn đề đó, trong đó có tính đến nguồn lực và khả năng thực hiện mục tiêu của chính sách.

+ *Dự thảo các phương án chính sách*: Xuất phát từ đặc thù KCN là một phương thức tổ chức các hoạt động sản xuất công nghiệp tập trung, chịu tác động của nhiều yếu tố kinh tế-xã hội khác nhau nên trong thực tế các nhà quản lý vĩ mô có thể giải quyết các vấn đề phát sinh bằng nhiều cách khác nhau. Vì thế cần xây dựng nhiều phương án chính sách khác nhau để giúp cho các cơ quan quản lý và đối tượng thực thi có điều kiện lựa chọn được phương án tốt nhất.

+ *Lựa chọn phương án chính sách tối ưu*: Lựa chọn phương án chính sách là bước tiếp theo của việc xây dựng chính sách, nhằm xác định được phương án tối ưu trong số các phương án dự thảo chính sách. Tuy nhiên ở khâu này, việc lựa chọn không mang tính chất bộ phận, chi tiết mà là sự lựa chọn mang tính hệ thống ở tầm bao quát toàn bộ chính sách. Để lựa chọn phương án chính sách tối ưu, không nên dừng lại ở cấp hoạch định, mà cần mở rộng đến các chủ thể tham gia thực thi hoặc chịu tác động của chính sách (như các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng KCN, các doanh nghiệp thuê đất trong KCN và người dân sống trong khu vực quy hoạch phát triển KCN) để vừa đảm bảo tính khách quan, vừa tạo nên sự đồng thuận giữa chủ thể và khách thể trong quá trình lựa chọn.

+ *Quyết nghị chính sách và công bố chính thức*: Sau khi trải qua các bước từ xác định vấn đề đến lựa chọn phương án chính sách tối ưu, chúng ta đã có đầy đủ cơ sở để kết luận về tính khả thi, tính hiệu lực, hiệu quả của chính sách. Những kết luận đó cho phép quyết định có đưa chính sách vào thực thi trong cuộc sống hay không, nếu đưa vào sử dụng thì cần phải thực hiện các thủ tục pháp lý hoá chính sách.

Luận án cũng đã phân tích 3 mô hình hoạch định chính sách, đó là mô hình tiến hoá, mô hình độc lập và mô hình hỗn hợp. Ở nước ta, việc hoạch định chính sách thường xuất phát từ thực trạng hiện có để đưa ra những đề xuất đổi mới, song các phương án chính sách đề ra luôn hướng tới tính hợp lý tối ưu, đồng thời cân nhắc các yếu tố tác động đến sự lựa chọn quyết định.

Khi tiến hành hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN, ngoài việc dựa vào các nguyên tắc hoạch định nêu trên, các nhà hoạch định chính sách còn phải chú ý tới một số

nhân tố có thể ảnh hưởng tới tính khả thi và hiệu lực của chính sách. Luận án đã chỉ ra 6 nhân tố chủ yếu, đó là: tư duy, nhận thức của người lãnh đạo hoạch định chính sách; bối cảnh kinh tế-xã hội trong và ngoài nước; sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành của Chính phủ; năng lực của đội ngũ cán bộ hoạch định chính sách KCN; khả năng nguồn lực thực thi chính sách của Nhà nước; khả năng tham gia của các đối tượng thực thi chính sách.

1.3. Kinh nghiệm hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở một số nước và vùng lãnh thổ khu vực châu Á

Qua tìm hiểu tổ chức và phương thức hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở Thái Lan, Malaysia, Đài Bắc Trung Quốc và một số nước khác ở khu vực Châu Á, luận án rút ra những bài học thành công, thất bại và một số kinh nghiệm cho Việt Nam để hoàn thiện hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN như sau:

Thứ nhất, chính sách đầu tư phát triển KCN cần được xây dựng trên nền tảng vững chắc của khoa học chính sách và theo cách tiếp cận thống nhất với chiến lược phát triển công nghiệp dài hạn của quốc gia, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội tổng thể và vì lợi ích chung của cả đất nước.

Thứ hai, áp dụng mô hình hoạch định chính sách phù hợp với đặc thù phát triển của đất nước trong từng giai đoạn.

Thứ ba, nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác dự báo, phân tích chính sách ngay từ giai đoạn đề xuất chính sách để có thể đưa ra các giải pháp cụ thể và khoa học, làm cơ sở cho việc soạn thảo văn bản thể chế hóa chính sách sau này.

Thứ tư, cần xây dựng một cơ chế khuyến khích và thu hút sự tham gia của các tổ chức, cơ quan và cá nhân có liên quan vào quá trình hoạch định chính sách.

Thứ năm, phân định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo chính sách, các cơ quan có liên quan tham gia hoạch định chính sách; tăng cường tính trách nhiệm của các cơ quan và cá nhân trong việc soạn thảo đề án chính sách.

Thứ sáu, cần coi trọng công tác thống kê và thông tin dữ liệu về KCN.

Chương 2

THỰC TRẠNG HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

2.1. Tình hình thực hiện chính sách đầu tư phát triển KCN ở Việt Nam

Luận án đã khái quát các chính sách đầu tư phát triển KCN qua 4 giai đoạn: giai đoạn I (1991-1995), giai đoạn II (1996-2000), giai đoạn III (2001-2005) và giai đoạn IV từ năm 2006 đến nay.

Tính đến cuối năm 2008, đã có 223 KCN, KCX (bao gồm 220 KCN và 03 KCX) được thành lập với tổng diện tích đất tự nhiên 57.264 ha, trong đó diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê là 37.588ha, chiếm 65% tổng diện tích đất tự nhiên. Đến cuối năm 2008, các KCN cả nước đã thu hút được 3.363 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký khoảng 36,760 tỷ USD và 3.416 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư hơn 232,146 nghìn tỷ đồng. Hiện đã có 2.412 dự án có vốn đầu tư nước ngoài và 2.292 dự án đầu tư trong nước tại các KCN cả nước đã đi vào sản xuất kinh doanh với tổng vốn đầu tư thực hiện đạt hơn 15,8 tỷ USD và 99,415 nghìn tỷ đồng (tương ứng với 38% và 49% tổng số vốn đăng ký vào KCN). Trong năm 2008, các doanh nghiệp KCN đã tạo ra giá trị sản xuất công nghiệp đạt hơn 28,9 tỷ USD, chiếm 30% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước; giá trị xuất khẩu đạt khoảng 14,5 tỷ USD, bằng 24,7% tổng giá trị xuất khẩu cả nước; nộp ngân sách đạt khoảng 1,3 tỷ USD; tạo việc làm cho trên 1,17 triệu lao động trực tiếp và khoảng 1,5 triệu lao động gián tiếp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, chính sách đầu tư phát triển KCN thời gian qua vẫn còn nhiều tồn tại, trong đó nổi lên 4 vấn đề tồn tại lớn, đó là: (i) số lượng các KCN tăng nhanh nhưng hiệu quả hoạt động chưa cao; (ii) phát triển KCN chưa bảo đảm bền vững trên các khía cạnh xã hội, môi trường; (iii) các KCN phát triển nhanh nhưng chưa tính đến mục tiêu dài hạn về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu công nghệ và (iv) nguồn nhân lực tại các KCN chưa đáp ứng được cả về chất lượng và số lượng.

2.2. Thực trạng hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở Việt Nam

- Từ những phân tích thực trạng quy định pháp luật hiện nay quy định về hoạch định chính sách nói chung và hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN nói riêng, luận án rút ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất, chưa có quy định rõ ràng về khái niệm chính sách, đề án chính sách, về quy trình xây dựng đề án và nội dung cấu thành của đề án, mà chỉ có hướng dẫn về quy trình đăng ký đề án vào chương trình xây dựng chính sách, pháp luật của Chính phủ, trong đó yêu cầu thể hiện rõ tên đề án, tư tưởng nội dung chính của đề án, cấp quyết định (Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ), thời hạn trình đề án.

Thứ hai, các quy định pháp luật về nội dung hoạch định chính sách được đề cập một cách thiếu tập trung, thiếu thống nhất trong các loại văn bản quy phạm pháp luật với các thứ bậc hiệu lực pháp lý khác nhau.

Thứ ba, quy định pháp luật hiện hành chưa có các biện pháp mang tính chế tài quy định các điều kiện đảm bảo cho công tác xây dựng chính sách được tiến hành hiệu quả (như việc đôn đốc, kiểm tra, xử lý vi phạm, khuyến khích, khen thưởng...).

Thứ tư, do hành lang pháp lý hiện hành quy định về nội dung hoạch định chính sách còn chưa đầy đủ và rõ ràng đã dẫn đến những hạn chế trong triển khai thực hiện trên thực tế và dẫn đến cách hiểu phổ biến xây dựng chính sách là xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Phân tích quy trình hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở nước ta hiện nay : Do chưa có quy định cụ thể, thống nhất về quy trình hoạch định chính sách nên đã dẫn đến đồng nhất việc xây dựng chính sách hiện nay là xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và được thực hiện theo các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quy chế làm việc của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Luận án đã tiến hành phân tích việc xây dựng và ban hành các chính sách đầu tư phát triển KCN được thực hiện theo các bước sau: (i) xác định sự cần thiết ban hành chính sách; (ii) xác định các căn cứ xây dựng chính sách; (iii) soạn thảo đề án chính sách và dự thảo văn bản chính sách; (iv) lấy ý kiến đóng góp với đề án chính sách; (v) hoàn chỉnh, thông qua đề án và dự thảo văn bản chính sách và (vi) trình Thủ tướng ký ban hành.

- Về mô hình hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở Việt Nam: Các KCN ở nước ta được hình thành và phát triển trong bối cảnh lịch sử của quá trình vận động từ một nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường cạnh tranh và mở cửa với bên ngoài, có sự quản lý của Nhà nước. Trong bối cảnh kinh tế đó, đòi hỏi các cơ chế chính sách đầu tư phát triển KCN phải được xây dựng phù hợp với những điều kiện kinh tế hiện có. Vì vậy có thể thấy cách thức hoạch định chính sách đầu tư KCN ở nước ta thời gian qua có nhiều điểm gần giống với mô hình hoạch định chính sách hỗn hợp. Việc hoạch định một chính sách mới thường xuất phát từ thực trạng hiện có để đưa ra những đề xuất đổi mới, song các giải pháp và công cụ thực hiện chính sách đề ra luôn hướng tới tính hợp lý tối ưu, đồng thời cân nhắc các yếu tố tác động đến sự lựa chọn quyết định. Thể hiện trên những nội dung sau đây:

Thứ nhất, các biện pháp chính sách phát triển KCN được điều chỉnh dần dần, đặc biệt là các chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư hạ tầng KCN, chính sách thuế, chính sách thu hút, khuyến khích đầu tư được hình thành theo hướng tạo sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, không phân biệt doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, phù hợp với quá trình cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, các giải pháp thực hiện chính sách được xây dựng tương đối đồng bộ, thống nhất với nhau, dựa trên cơ sở các mục tiêu cụ thể đã đề ra và phù hợp với các quy định của

pháp luật hiện hành. Điển hình như các ưu đãi đầu tư xây dựng các hạng mục xử lý chất thải, bảo vệ môi trường KCN, phát triển các công trình tiện ích công cộng ngoài hàng rào KCN... đã được quy định phù hợp với cơ chế ưu đãi chung có liên quan (như miễn tiền thuê đất, sử dụng đất, thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, được vay vốn tín dụng ưu đãi, Nhà nước hỗ trợ đầu tư ngoài hàng rào...).

Thứ ba, việc xác định lĩnh vực và địa bàn ưu đãi đầu tư có tính đến việc kế thừa các danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi đầu tư đã ban hành trước đó để vừa bảo đảm không gây xáo trộn lớn đối với quyền lợi của nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư đã hoạt động trong các KCN, KCX, vừa không ưu đãi tràn lan. Đồng thời việc ưu đãi đầu tư bảo đảm không trái với các quy định cam theo các điều ước quốc tế và các quy định của WTO mà Việt Nam đã cam kết.

Thứ tư, các đề xuất chính sách mới được xây dựng trên cơ sở các quy luật vận động khách quan, khoa học và sáng tạo. Các ý tưởng hình thành chính sách đầu tư phát triển KCN xuất phát cả từ hai chiều từ trên xuống và từ dưới lên.

2.3. Đánh giá chung thực trạng hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN Việt Nam thời gian qua

- *Những kết quả đạt được*: Việc xây dựng và ban hành các chính sách đầu tư phát triển KCN đã từng bước đi vào nề nếp và theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Công tác nghiên cứu, xây dựng chính sách phát triển KCN được triển khai một cách đồng bộ, trên diện rộng và theo định hướng kế hoạch đã được vạch ra. Nội dung của các đề án chính sách đã được nghiên cứu, xây dựng bám sát và phản ánh các chủ trương, đường lối đổi mới phát triển kinh tế và phát triển công nghiệp mà Đảng và Nhà nước đã đề ra trong từng thời kỳ.

- *Những tồn tại chủ yếu*: Việc xác định sự cần thiết ban hành chính sách và lập chương trình xây dựng chính sách phát triển KCN của Chính phủ còn mang tính chủ quan, chưa dựa trên cơ sở một chiến lược dài hạn về phát triển KCN có tính đến nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế với những dự báo, đánh giá đầy đủ, khách quan, khoa học các yếu tố tác động đến sự phát triển của các KCN. Chất lượng nội dung của nhiều đề án chính sách đầu tư phát triển KCN còn hạn chế. Việc tiếp thu ý kiến, giải trình về các ý kiến đóng góp vào nội dung đề án chính sách đầu tư phát triển KCN còn mang tính nội bộ. Việc thẩm định đề án chính sách và dự thảo văn bản chính sách còn mang nặng tính hình thức, chưa thực sự mang tính phản biện và lập luận khoa học. Công tác tuyên truyền về các nội dung của sáng kiến chính sách sẽ ban hành chưa được quan tâm.

Luận án đã chỉ ra những nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại hạn chế nói trên, đó là:

+ Nhận thức của các nhà hoạch định chính sách còn chưa thống nhất và coi trọng đúng mức vai trò của KCN trong quá trình thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước để xây dựng các thể chế, chính sách điều chỉnh hoạt động của KCN phù hợp với thực tiễn phát triển

+ Các quy định pháp luật hiện nay về hoạch định chính sách còn chưa đầy đủ và rõ ràng.

+ Thiếu cơ chế tham gia xây dựng, phản biện của các nhà quản lý, luật gia, nhà khoa học, đặc biệt là các đối tượng chính sách trong việc xây dựng chính sách đầu tư phát triển KCN.

+ Việc chấp hành chế độ hoạt động của các đơn vị và cá nhân tham gia xây dựng chính sách chưa nghiêm

+ Công tác phối hợp trong xây dựng các đề án chính sách giữa các Bộ, ngành, địa phương còn thụ động, lúng túng và chưa thường xuyên.

+ Đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật về KCN còn thiếu và hạn chế về chuyên môn.

+ Hệ thống thông tin, số liệu về KCN phục vụ cho công tác xây dựng chính sách còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu về độ chính xác, đầy đủ, thống nhất, về phạm vi và thời điểm.

- **Một số vấn đề đặt ra:** Những tồn tại, bất cập hiện nay và những yêu cầu đối với công tác hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN được phân tích ở trên đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu và đề xuất các giải pháp tháo gỡ. Luận án đã chỉ rõ 5 vấn đề cần tập trung giải quyết trong thời gian tới: (i) cần có sự thống nhất trong nhận thức về quan điểm, mục tiêu và nội dung phát triển KCN theo hướng hiệu quả và bền vững; (ii) tạo lập thể chế và xây dựng một khuôn khổ pháp lý về hoạch định chính sách một cách hoàn chỉnh, đồng bộ, thống nhất để làm cơ sở vững chắc cho việc tổ chức nghiên cứu, xây dựng các chính sách đầu tư phát triển KCN; (iii) xây dựng quy trình hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN mang tính chuyên môn hóa và khoa học, độc lập, khách quan, gắn với một chiến lược phát triển KCN một cách hiệu quả và bền vững, đồng thời phải mang tính liên ngành và tiến đến đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế; (iv) tăng cường năng lực cho hệ thống các cơ quan hoạch định chính sách phát triển KCN và (v) Nhà nước cần quan tâm hỗ trợ và có kế hoạch đầu tư thích đáng các điều kiện vật chất và hệ thống thông tin, dữ liệu về KCN.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KCN Ở VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở Việt Nam

Luận án đã phân tích những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức ở trong và ngoài nước đối với quá trình phát triển bền vững các KCN Việt Nam trong thời gian tới. Đồng thời tóm lược nội dung Quy hoạch phát triển các KCN ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 với mục tiêu tổng quát là hình thành hệ thống các khu công nghiệp chủ đạo có vai trò dẫn dắt sự phát triển công nghiệp quốc gia, đồng thời hình thành các khu công nghiệp có quy mô hợp lý để tạo điều kiện phát triển công nghiệp, nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại những địa phương có tỷ trọng công nghiệp trong GDP thấp; đưa tỷ lệ đóng góp của các khu công nghiệp vào tổng giá trị sản xuất công nghiệp từ trên 24% hiện nay lên khoảng 39 - 40% vào năm 2010 và tới trên 60% vào giai đoạn tiếp theo; tăng tỷ lệ xuất khẩu hàng công nghiệp của các khu công nghiệp từ 19,2% giá trị xuất khẩu toàn quốc hiện nay lên khoảng 40% vào năm 2010 và cao hơn vào các giai đoạn tiếp theo.

- Một số quan điểm chủ đạo về hoàn thiện hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN Việt Nam

+ *Quan điểm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*: quán triệt những quan điểm về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến 2020, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã được đề ra tại Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị.

+ *Quan điểm hướng tới hiệu quả*: hoạch định chính sách phát triển KCN trong giai đoạn tới phải triệt để hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động của KCN một cách bền vững và lâu dài, không chạy theo những thành tích nhất thời nhằm nhanh chóng lấp đầy KCN mà bỏ qua các yếu tố về môi trường, xã hội.

+ *Quan điểm phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*: Phát triển KCN của Việt Nam trong thời gian tới phải phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; phải vượt qua những khó khăn, hạn chế do tính đặc thù của một nền kinh tế sản xuất nhỏ, lạc hậu để hoà đồng, phát triển có hiệu quả trong nền kinh tế toàn cầu, mà trước hết là với các nền kinh tế trong khu vực. Điều này đòi hỏi công tác hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN trong thời gian tới phải có bước chuyển căn bản về tư duy và phương thức thực hiện.

+ *Quan điểm kết hợp tiên tiến với hiện thực*: Để có thể đáp ứng các yêu cầu đặt ra ngày càng cao, các nhà hoạch định chính sách KCN cần nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm xây dựng chính sách KCN ở các nước có nền kinh tế phát triển và đặc biệt là các nước trong khu vực có tương đồng với Việt Nam để vận dụng vào thực tiễn nước ta.

+ *Quan điểm kết hợp hài hòa các lợi ích*: Trong thời gian tới cần thay đổi tư duy quản lý theo nếp cũ và nhận thức đầy đủ về sự hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân trong việc đưa ra các mục tiêu, giải pháp phù hợp, qua đó tạo động lực cho các bên liên quan tham gia tích cực và hiệu quả vào tiến trình xây dựng các chính sách đầu tư phát triển KCN. Chính sách phát triển KCN cần được nghiên cứu một cách dân chủ, bàn bạc rộng rãi, tập hợp được đông đảo ý kiến đóng góp của các tầng lớp dân cư.

+ *Quan điểm tiến hành đồng bộ nhưng có trọng tâm, trọng điểm*: Hoàn thiện hoạch định chính sách phát triển KCN phải được thực hiện đồng bộ với hoàn thiện về cơ chế, bộ máy, năng lực quản lý của các cơ quan hoạch định chính sách... có như vậy mới tạo ra được những chính sách đầu tư phát triển KCN mới như mong muốn.

- Định hướng hoàn thiện hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở Việt Nam

Để thực hiện được các mục tiêu phát triển KCN đến năm 2015 và năm 2020 trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều biến động như đã phân tích ở trên, việc hoạch định các chính sách đầu tư phát triển KCN ở nước ta trong thời gian tới cần được hoàn thiện theo những định hướng cơ bản sau:

Thứ nhất, cần đổi mới và thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò, mục tiêu và nội dung phát triển KCN trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ hai, xây dựng quy trình hoạch định chính sách khách quan, khoa học, công khai, minh bạch và phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả thu hút sự tham gia của các nhà khoa học, nhà quản lý, cộng đồng doanh nghiệp và người dân nhằm đảm bảo tính dân chủ và công khai trong quá trình xây dựng chính sách.

Thứ tư, kết hợp kế thừa những kinh nghiệm đã có, đồng thời mạnh dạn tìm kiếm những ý tưởng mới vào quy trình hoạch định chính sách.

Thứ năm, tiếp tục tăng cường năng lực hoạt động của các chủ thể tham gia hoạch định chính sách.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở Việt Nam

3.2.1. Đổi mới tư duy, nhận thức của các nhà hoạch định chính sách về quan điểm, mục tiêu và nội dung đầu tư phát triển KCN

Để đảm bảo cho các KCN phát triển bền vững và hiệu quả, cần thống nhất nhận thức và quan điểm đầu tư phát triển các KCN theo các định hướng chủ yếu sau : (i) quy hoạch lại hệ thống KCN trên toàn quốc dựa trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của vùng lãnh thổ để lựa chọn mô hình phát triển KCN và cơ cấu đầu tư, cơ cấu ngành nghề công nghiệp phù hợp theo hướng đáp ứng được cả yêu cầu từng bước phát triển kinh tế tri thức và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững; (ii) hạn chế tối đa việc chuyển đất trồng lúa nước sang xây dựng KCN. Quản lý chặt chẽ quỹ đất nông nghiệp, đặc biệt là đất trồng lúa nước và trồng cây lương thực để bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và bảo đảm sự ổn định, phát triển kinh tế-xã hội của đất nước; (iii) phát triển KCN kết hợp chặt chẽ với đảm bảo các yếu tố xã hội, môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững; (iv) phát triển các KCN, KCX theo chiều sâu và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động theo hướng lấp đầy diện tích đất công nghiệp, gắn với hiệu quả sử dụng đất công nghiệp; (v) phát triển các KCN theo hướng chuyên môn hóa và hợp tác hóa kết hợp với phân bố hợp lý, tập trung xây dựng các KCN chuyên ngành và ngành hỗ trợ.

3.2.2. Hoàn thiện thể chế về hoạch định chính sách

Hoạch định chính sách là một quy trình gồm nhiều bước có liên quan chặt chẽ với nhau từ khâu xây dựng chính sách đến khi ban hành chính sách dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật. Để nâng cao chất lượng và đổi mới một cách căn bản công tác xây dựng chính sách và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Quy chế hóa các bước của quy trình hoạch định chính sách, tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc tiến hành các hoạt động phối hợp giữa các chủ thể tham gia xây dựng chính sách. Cần ban hành quy định thống nhất, rõ ràng và cụ thể nhằm tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất cho công tác hoạch định chính sách và ban hành pháp luật, trong đó cần quy định rõ về nội dung, khái niệm chính sách, phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của các chủ thể tham gia, trình tự, thủ tục thực hiện quy trình xây dựng, thông qua chính sách, soạn thảo và ban hành văn bản pháp luật thể chế hóa chính sách theo 3 giai đoạn cơ bản: (i) giai đoạn xây dựng đề án chính sách; (ii) giai đoạn phê duyệt đề án chính sách và (iii) giai đoạn quy phạm hoá chính sách

- Hoàn thiện thể chế để thu hút sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng chính sách: Cần sớm xem xét ban hành một nghị định quy định trình tự, thủ tục tham gia của mọi tổ chức cá nhân vào quá trình xây dựng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Xây dựng cơ chế khuyến khích, thu hút sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia và những đối tượng chịu tác động của chính sách.

- Nghiên cứu áp dụng phương thức quản lý chất lượng toàn diện trong xây dựng chính sách. Theo đó, các cơ quan này sẽ tạo ra một phương pháp làm việc khoa học, xác định rõ nội dung công việc, chủ thể thực hiện và phương thức, trình tự, thủ tục thực hiện; giúp cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp tham gia xây dựng chính sách xác định rõ phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình trong quá trình hoạch định chính sách.

- Xây dựng cẩm nang hoạch định chính sách của Chính phủ, đây sẽ là tài liệu hướng dẫn để các đơn vị trực tiếp tham gia hoạch định chính sách của Chính phủ triển khai các hoạt động của mình theo quy trình nhất quán, thuận tiện và có hiệu quả.

3.2.3. Hoàn thiện các bước của quy trình hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN

Luận án đã đưa ra 6 nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện các bước của quy trình hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN hiện nay, đó là

- Bổ sung các quy định phát huy tính dân chủ, sáng tạo trong đề xuất, sáng kiến chính sách phát triển KCN: Quy định rõ quyền kiến nghị, đề xuất xây dựng chính sách phát triển KCN không chỉ giới hạn ở các chủ thể là các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động phát triển KCN mà cần mở rộng cho mọi tổ chức, cá nhân với thủ tục thuận lợi nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức, cá nhân trong việc kiến nghị ban hành những chính sách khả thi, phù hợp với thực tiễn phát triển các KCN ở Việt Nam. Đổi mới hoạt động đề xuất xây dựng chính sách phát triển KCN của các cơ quan nhà nước. Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ cho việc xây dựng các chính sách đầu tư phát triển KCN.

- Lựa chọn vấn đề chính sách cần phải khách quan, toàn diện: Định kỳ hoặc hàng năm, các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức rà soát để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống các quy định pháp luật về KCN, từ đó xác định rõ những lĩnh vực, vấn đề có nhu cầu điều chỉnh bằng những chính sách mới, làm cơ sở tiến hành lập chương trình xây dựng pháp luật về KCN của Chính phủ. Đánh giá lại quá trình phát triển các KCN và điều chỉnh chính sách đầu tư phát triển KCN trong thời gian qua, nhất là những tồn tại, hạn chế bộc lộ rõ nét trong quá trình hội nhập và chịu tác động của khủng hoảng và suy thoái kinh tế thế giới. Trên cơ sở đó căn cứ vào các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế-xã hội để đề ra được những điều chỉnh chính sách phát triển KCN trong thời gian tới. Xây dựng nhiều hình thức lấy ý kiến phong phú, đa dạng phù hợp với từng chủ thể như báo viết, báo điện tử, website, tổ chức hội thảo, gửi lấy ý kiến trực tiếp đối với những vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển KCN đang được nhiều người quan tâm.

- Mục tiêu của chính sách phải được xác định đúng đắn, chính xác: Phải đổi mới tư duy trong việc xác định và lựa chọn mục tiêu chính sách phải dựa trên cơ sở vấn đề chính sách đã được xác định và định hướng giải quyết vấn đề đó, trong đó có tính đến nguồn lực và

khả năng thực hiện mục tiêu của chính sách. Mặt khác, thiết kế mục tiêu phải chính xác, có tính khả thi, hài hoà với các mục tiêu chính sách khác và không nên đề ra quá nhiều mục tiêu đối với một chính sách.

- Các phương án chính sách phải được xây dựng dân chủ, tập trung: để đảm bảo tính khách quan và khoa học của mỗi phương án chính sách, các cơ quan hoạch định chính sách cần nghiên cứu kinh nghiệm trong nước và nước ngoài về hoạch định chính sách tương tự; nghiên cứu các mô hình lý thuyết, phương pháp phân tích; tham khảo ý kiến đề xuất của các nhà lãnh đạo và quản lý, các chuyên gia, các nhà khoa học, ý kiến nhân dân... Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy việc xây dựng các phương án chính sách có thể do chính bộ máy quản lý ngành của Chính phủ trực tiếp thực hiện, nhưng bộ máy này cũng có thể nhờ các cơ quan, tổ chức khác như các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức tư vấn chính sách... làm giúp cho mình thông qua việc ký kết các hợp đồng nghiên cứu, đề tài, đề án.

- Lựa chọn phương án chính sách tối ưu phải thực tế, sâu sát: Phương án chính sách được lựa chọn cần phải minh bạch, phù hợp với quyền lợi chung của xã hội. Chính sách được phê duyệt phải tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển chung, không vì lợi ích cục bộ của một bộ ngành hoặc một số ít người trong các Ban Soạn thảo. Trên cơ sở này, pháp luật thể chế chính sách mới tạo được môi trường pháp lý bình đẳng cho các đối tượng bị điều chỉnh. Do đó, cần thay đổi cách thức lựa chọn và phê duyệt đề án chính sách, bảo đảm tính công khai, tham vấn và trung cầu ý kiến của những đối tượng bị điều chỉnh. Luận án đã đưa ra 6 tiêu chuẩn cần được xem xét để đánh giá dự báo tác động của chính sách nhằm lựa chọn được phương án chính sách phát triển KCN phù hợp

- Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách: Để các quy định của chính sách thực sự đi vào cuộc sống, nếu chỉ dừng lại ở việc lấy ý kiến tham gia của các doanh nghiệp và người dân đối với dự thảo văn bản thể chế hóa chính sách thì chưa đủ, mà còn đòi hỏi nội dung đề án chính sách cũng phải được đăng tải công khai, có sẵn để bất cứ ai quan tâm, tìm hiểu đều có thể tiếp cận được một cách dễ dàng.

3.2.4. Tăng cường năng lực hoạt động của các cơ quan hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN

Có 5 giải pháp cơ bản được đề cập trong phần này, đó là: (i) Nghiên cứu thành lập Hội đồng chính sách phát triển KCN, là cơ quan tư vấn của Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề quan trọng đến phát triển các KCN, KKT ở Việt Nam. Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn, đưa ra những ý kiến thẩm định, đánh giá độc lập, khách quan, góp ý với Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định về phương hướng, chiến lược phát triển các KCN, KKT, các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên phát triển trong KCN, KKT từng thời kỳ; (ii) đổi mới cơ chế tổ chức và hoạt động của các Ban Soạn thảo nhằm mở rộng và tạo thuận lợi cho các chuyên gia, các nhà

khoa học tham gia và đóng góp kinh nghiệm và trí tuệ trong quá trình soạn thảo; tổ chức có hiệu quả việc phối hợp lấy ý kiến của các bộ ngành có liên quan, đặc biệt là phải tổ chức tốt việc lấy ý kiến phản biện của các nhà khoa học, các nhà quản lý, các đối tượng chịu sự điều chỉnh của chính sách dự kiến ban hành; (iii) tăng cường trách nhiệm giám sát, đôn đốc xây dựng đề án chính sách của các cơ quan soạn thảo; (iv) nâng cao chất lượng công tác phối hợp giữa các cơ quan tham gia soạn thảo chính sách theo hướng tăng tính chủ động, công khai, minh bạch; (v) xây dựng đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia xây dựng chính sách phát triển KCN đủ về số lượng, có năng lực, trình độ, hiện đại, chuyên nghiệp đáp ứng với yêu cầu của công tác nghiên cứu, xây dựng chính sách; (iv) đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ phân tích và xây dựng chính sách; (vii) bảo đảm đủ các điều kiện vật chất, kinh phí cho việc nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật.

3.2.5. Đổi mới hệ thống thu thập, xử lý và sử dụng thông tin, dữ liệu về KCN

Chất lượng và hiệu lực của chính sách ban hành ra phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng, tính kịp thời và đầy đủ của thông tin. Chính vì vậy công việc cấp bách phải làm là đổi mới hệ thống báo cáo và thu thập thông tin, nâng cao chất lượng hệ thống thông tin, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong phối hợp xây dựng chính sách KCN. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thông tin, báo cáo; sử dụng văn bản điện tử để từng bước thay thế văn bản giấy trong quản lý, điều hành và trao đổi thông tin; cải tiến và chuẩn hoá quy trình công việc liên quan đến các hoạt động nội bộ, giao dịch với các cơ quan hành chính nhà nước và giao dịch với các cá nhân, tổ chức trên môi trường mạng. Thực hiện kết nối mạng máy tính, quản lý dữ liệu KCN của các Bộ ngành, địa phương, các Ban Quản lý các KCN các tỉnh với Thủ tướng Chính phủ.

Ở phần cuối luận án, tác giả đã đưa ra một số kiến nghị đối với Chính phủ, các Bộ ngành có liên quan, chính quyền địa phương và các doanh nghiệp nhằm thực hiện thành công những giải pháp nêu trên.

KẾT LUẬN

Từ khi được thành lập lần đầu tiên vào năm 1991 đến nay, các KCN ở nước ta đã có sự phát triển nhanh chóng cả về số lượng và quy mô diện tích, góp phần to lớn làm cho nền kinh tế tăng trưởng nhanh và khá ổn định. Hệ thống chính sách đầu tư phát triển KCN đã được đổi mới theo hướng phù hợp với luật pháp và môi trường đầu tư trong nước và quốc tế, đặc điểm phát triển của KCN ở nước ta. Tuy vậy, trong thực tế còn có không ít chính sách chưa khả thi, gây lãng phí nguồn lực, ảnh hưởng tới lòng tin của nhân dân và nhà đầu tư đối với hiệu quả của chính sách. Từ đó, việc hoàn thiện và đổi mới công tác xây dựng chính sách

phát triển KCN đang đặt ra cấp bách trước yêu cầu phát triển bền vững và hiệu quả các KCN ở nước ta. Việc nghiên cứu hoàn thiện hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN được đặt ra như một đòi hỏi tất yếu, để vừa bảo đảm định hướng phát triển, vừa tăng cường sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước đối với các KCN, KCX. Để đạt được mục tiêu đó, luận án đã thực hiện được một số nhiệm vụ sau đây:

1- Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về chính sách đầu tư phát triển KCN và hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN, trong đó làm rõ các bước của quy trình hoạch định chính sách và một số mô hình hoạch định chính sách.

2- Phân tích và đúc kết một số kinh nghiệm về hoạch định chính sách phát triển KCN ở một số nước và vùng lãnh thổ có điều kiện tương đồng với Việt Nam như Thái Lan, Malaysia, Đài Bắc Trung Quốc, coi đó là những bài học kinh nghiệm quý báu để hoàn thiện hoạch định chính sách phát triển KCN ở Việt Nam trong thời gian tới.

3- Đánh giá một cách khách quan về thực trạng hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở Việt Nam thời gian qua trên các khía cạnh: về khuôn khổ quy định pháp luật hiện hành, về thực thi quy trình hoạch định chính sách, phương pháp hoạch định chính sách.

4- Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được của công tác hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN thời gian qua, luận án cũng đã phân tích những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân, những vấn đề cần phải giải quyết trong thời gian tới.

5- Trên cơ sở các quan điểm chủ đạo cần quán triệt trong quá trình nghiên cứu xây dựng chính sách phát triển KCN ở Việt Nam, luận án đưa ra các định hướng hoàn thiện hoạch định chính sách đầu tư phát triển KCN ở Việt Nam đến năm 2015 và những năm tiếp theo.

6- Luận giải đề xuất những giải pháp cụ thể, cơ bản, đồng bộ và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạch định chính sách phát triển KCN trong thời gian từ nay đến năm 2015 và 2020.

Để triển khai các giải pháp đề xuất, luận án đặc biệt nhấn mạnh một số điểm sau:

- Chính sách phát triển KCN của Việt Nam trong thời gian tới phải phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; phải vượt qua những khó khăn, hạn chế do tính đặc thù của một nền kinh tế sản xuất nhỏ, lạc hậu để hoà đồng, phát triển có hiệu quả trong nền kinh tế toàn cầu, mà trước hết là với các nền kinh tế trong khu vực. Điều này đặt ra yêu cầu rất cao cho giai đoạn phát triển mới của các KCN Việt Nam, hướng tới việc thực hiện các mục tiêu chiến lược đến năm 2020 đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp phát triển mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (năm 2006) đã đề ra.

- Để tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp phát triển KCN, đòi hỏi những người hoạch định chính sách phát triển KCN phải thống nhất về nhận thức về vị trí, vai trò của KCN trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặc biệt cần phân tích, đánh giá tổng kết kết quả

của chính sách phát triển KCN trong thời gian qua, rút ra những mặt tích cực và những hạn chế, tìm ra nguyên nhân của thực trạng. Trên cơ sở này có các giải pháp phù hợp với bối cảnh quốc tế và trong nước, nhất là phù hợp với xu thế toàn cầu hóa kinh tế và lộ trình mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

- Việc nghiên cứu để hoàn thiện và đổi mới công tác xây dựng chính sách phát triển KCN có ý nghĩa thiết thực không chỉ nhằm nhận diện đầy đủ những khiếm khuyết và tồn tại của quy trình hoạch định chính sách hiện hành, mà điều quan trọng là đề ra phương hướng, giải pháp khoa học, có tính khả thi để từng bước hoàn thiện quy trình xây dựng và ban hành chính sách pháp luật của Nhà nước, phù hợp với định hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa mà Đảng đã đề ra.

- Quá trình nghiên cứu xây dựng và ban hành chính sách đầu tư phát triển KCN không chỉ liên quan đến các cơ quan quản lý của Nhà nước mà còn liên quan đến các chủ thể khác và được chia thành nhiều giai đoạn khác nhau từ việc xác định vấn đề cần giải quyết, xác định mục tiêu và các phương án chính sách, lựa chọn thông qua phương án phù hợp nhất. Vì vậy để có được những chính sách đầu tư phát triển KCN mang tính khả thi và có hiệu quả cao, cần phải nghiên cứu để hoàn thiện từng giai đoạn và cả quy trình hoạch định chính sách một cách đồng bộ.

- Trong nhiều giải pháp được đề xuất, nhóm giải pháp về hoàn thiện các bước của quy trình hoạch định chính sách phát triển KCN được tác giả đặc biệt coi trọng. Trong điều kiện hiện nay, quy trình hoạch định chính sách phải được xây dựng trên cơ sở bảo đảm các yêu cầu về cải cách hành chính, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn, chế tài xử lý đối với từng đơn vị, cá nhân tham gia xây dựng và ban hành chính sách KCN. Hoạt động của các chủ thể tham gia vào quá trình hoạch định chính sách phải được tổ chức rộng rãi, thống nhất trên cơ sở phân công, phân cấp và xác định trách nhiệm rõ ràng đối với từng chủ thể. Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác tham mưu, xây dựng chính sách; xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về KCN để cung cấp và chia sẻ thông tin phục vụ cho công tác hoạch định chính sách

Bằng những kết quả nghiên cứu trên, luận án đã cố gắng thực hiện tốt mục đích nghiên cứu và đáp ứng được yêu cầu của luận án tiến sỹ kinh tế.